

ASSESSING & MANAGING THE RISK OF ANTIDUMPING/CVD ACTIONS AGAINST VIETNAMESE STEEL PRODUCTS

ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO CÁC HÀNH ĐỘNG CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ / TRỢ GIÁ ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM THÉP VIỆT NAM

Presented by:
**Grunfeld, Desiderio,
Lebowitz, Silverman &
Klestadt LLP**

Andrew B. Schroth
Partner
(GDLSK HONG KONG)

Grunfeld, Desiderio, Lebowitz,
Silverman & Klestadt LLP
www.gdlsk.com

OVERVIEW

- Identifying & Analyzing the Antidumping Threat – “Early Warning System”
- The Antidumping Process
 - *How it works*
- Advanced Preparation
 - *What you can do to minimize your risk*
 - *Pre-Investigation Audit*

TỔNG QUAN

- Xác định và Phân tích mối đe dọa Chống bán phá giá – “Hệ thống cảnh báo trước”
- Quy trình chống bán phá giá
 - *Hoạt động như thế nào*
- Tăng cường công tác chuẩn bị
 - *DN có thể làm gì để giảm thiểu Rủi ro*
 - *Tiến hành Kiểm tra rà soát dự bị trước khi bị điều tra*

WILL ANTIDUMPING CASES BE FILED AGAINST VIETNAM?

LIỆU VỤ KIỆN CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CHỐNG LẠI VIỆT NAM CÓ XẢY RA KHÔNG?

■ FACTORS:

- “Surges” in US Imports in Critical Categories
- Increased Investment in Vietnam by China, Taiwan, Europe, Korea
- Antidumping Actions Cause Immediate Disruption In Trade from Vietnam and Are Long Term (5, 10, 20 Yrs).

■ Các nhân tố tác động:

- Sự gia tăng nhập khẩu vào HK ở các hạng mục quan trọng
- Sự gia tăng đầu tư của Trung quốc, Đài loan, HK, Hàn Quốc vào Việt nam
- Các hành động chống bán phá giá gây tổn hại lập tức đến ngành thương mại Việt nam cũng như trong dài hạn (5, 10, 20 năm).

WILL ANTIDUMPING CASES BE FILED AGAINST VIETNAM?

LIỆU VỤ KIỆN CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CHỐNG LẠI VIỆT NAM CÓ XẢY RA KHÔNG?

- **Extremely Likely:**
 - **U.S. Producers Have Effectively Used Antidumping Cases In Other Industries:**
*Fish Fillets & Shrimp (Vietnam),
Pipe & Tube/Steel (China)*
 - **Transshipment Issues & Circumvention**
 - **Increase in US imports and falling per unit prices**
 - **Bad Economic Conditions in the U.S. – ITC Injury**
- **Khả năng xảy ra là rất lớn bởi:**
 - Các nhà sản xuất HK từng sử dụng hiệu quả các vụ kiện chống bán phá giá ở các ngành công nghiệp khác như:
Cá Fillet & tôm (VN), thép ống (Trung Quốc)
 - Các vấn đề trung chuyển bất hợp pháp & Gian lận.
 - Gia tăng SL nhập khẩu vào HK cùng với việc giảm đơn giá bán.
 - Tình trạng nền kinh tế Mỹ xấu – gây **tổn hại** đến ITC

WILL ANTIDUMPING CASES BE FILED AGAINST VIETNAM?

LIỆU CÁC VỤ KIỆN CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CHỐNG LẠI VIỆT NAM CÓ XẢY RA KHÔNG?

■ Local/Foreign Direct Investment

- Hoa Phat increases steel pipe exports to US
- Seah: exported 14 MT pipe
- Sun Steel: exported 7 MT pipe
- VN-Germany Co: 3 MT pipe
- Total VN pipe exports: \$ 33 million
- China steel pipe: 17-39% ADD
- POSCO: cold-rolled stainless (increase to 285 MT by 2014)
- China Steel & FPG: new \$600 million cold rolled steel plant (HCM City)
- VN Steel Co: 1st hot rolled mill
- Total VN Steel Exports: 419 MT & \$ 320 million (1Q 2010)

■ Sự đầu tư trực tiếp của các DN trong và ngoài nước:

- DN Hòa Phát gia tăng xuất khẩu ống thép vào HK.
- Seah: XK 14 tr tấn ống thép.
- Sun Steel: XK 7 tr tấn ống thép
- Cty VN-Đức: XK 3 tr tấn ống thép
- Tổng giá trị ống thép VN XK USD 33 tr
- Ống thép TQ: thuế AD 17-39%
- POSCO: thép cán nguội không gỉ (tăng 285 tr tấn vào năm 2014)
- ChinaSteel & FPG: nhà máy mới quy mô USD 600 tr về thép cán nguội tại TP HCM.
- Cty Thép VN: ra đời nhà máy cán thép nóng đầu tiên.
- Tổng sản lượng thép VN XK: 419 tr tấn & USD 320 tr (Q1 2010).

United States (Consumption/Domestic) Import Statistics

Commodity: 7326, Articles Of Iron Or Steel N.E.S.

Calendar Year: 2007 - 2009

Partner Country	United States Dollars			% Share			% Change 2009/2008
	2007	2008	2009	2007	2008	2009	
World	3,493,653,461	3,621,007,137	2,571,158,469	100.00	100.00	100.00	- 28.99
China	1,075,835,143	1,161,544,142	878,178,816	30.79	32.08	34.15	- 24.40
Mexico	548,032,826	586,685,247	422,533,342	15.69	16.20	16.43	- 27.98
Canada	683,846,393	620,582,582	403,680,156	19.57	17.14	15.70	- 34.95
Germany	130,880,357	149,717,765	109,438,872	3.75	4.13	4.26	- 26.90
Taiwan	149,989,996	166,123,855	106,696,556	4.29	4.59	4.15	- 35.77
Japan	150,133,495	122,804,976	96,777,735	4.30	3.39	3.76	- 21.19
U.K.	74,821,206	70,229,623	62,186,395	2.14	1.94	2.42	- 11.45
Italy	101,574,516	114,321,910	61,465,113	2.91	3.16	2.39	- 46.24
India	90,466,187	95,745,228	58,295,709	2.59	2.64	2.27	- 39.11
Brazil	105,065,731	116,474,073	50,097,019	3.01	3.22	1.95	- 56.99
France	53,891,434	54,757,355	37,259,886	1.54	1.51	1.45	- 31.95
Vietnam	15,692,499	17,032,400	31,390,671	0.45	0.47	1.22	84.30

United States (Consumption/Domestic) Import Statistics

Commodity: 7326, Articles Of Iron Or Steel N.E.S.

Year To Date: January - June

Partner Country	United States Dollars			% Share			% Change 2010/2009
	2008	2009	2010	2008	2009	2010	
World	1,797,338,694	1,298,812,212	1,460,311,771	100.00	100.00	100.00	12.43
China	551,932,556	451,952,981	499,568,830	30.71	34.80	34.21	10.54
Canada	324,723,334	203,231,589	237,200,886	18.07	15.65	16.24	16.71
Mexico	294,716,785	223,420,880	225,334,362	16.40	17.20	15.43	0.86
Japan	66,044,362	38,713,152	66,843,264	3.67	2.98	4.58	72.66
Taiwan	78,349,099	53,823,250	60,449,701	4.36	4.14	4.14	12.31
Germany	74,158,998	44,765,021	58,823,554	4.13	3.45	4.03	31.41
Italy	56,835,816	33,706,518	39,610,198	3.16	2.60	2.71	17.51
U.K.	35,041,572	32,731,044	32,909,675	1.95	2.52	2.25	0.55
India	46,887,000	35,085,293	28,331,665	2.61	2.70	1.94	- 19.25
Brazil	54,901,788	28,956,934	25,060,497	3.05	2.23	1.72	- 13.46
Sweden	25,056,778	9,456,747	20,907,581	1.39	0.73	1.43	121.09
Vietnam	6,510,676	11,973,239	20,233,267	0.36	0.92	1.39	68.99

Commodity: 7308, Structure & Part Of I/S, Exc Prefab Of No. 94.06; Plate, Rod, Angle Etc

Calendar Year: 2007 - 2009

	2007			2008			2009		
	USD	Quantity	Price/ KG	USD	Quantity	Price/ KG	USD	Quantity	Price/ KG
World	3,294,742,897	1,450,373,245	\$2.27	3,928,436,360	1,529,714,367	\$ 2.57	2,686,520,028	1,023,314,878	\$ 2.63
China	566,974,036	397,284,756	\$1.43	898,949,747	494,885,318	\$ 1.82	681,313,610	335,942,640	\$ 2.03
Canada	1,163,590,820	442,963,793	\$2.63	1,199,367,727	399,053,278	\$ 3.01	652,217,687	219,484,170	\$ 2.97
Mexico	380,691,904	203,239,708	\$1.87	516,738,707	215,998,085	\$ 2.39	466,012,690	171,192,981	\$ 2.72
S.Korea	224,617,962	80,651,449	\$2.79	332,294,804	118,567,634	\$ 2.80	219,949,292	86,554,440	\$ 2.54
Germany	134,331,162	31,632,698	\$4.25	113,039,674	14,643,029	\$ 7.72	128,164,485	27,539,203	\$ 4.65
Vietnam	115,642,570	60,296,316	\$1.92	126,000,227	54,916,424	\$ 2.29	100,186,613	39,519,339	\$ 2.54

United States (Consumption/Domestic) Import Statistics From Vietnam

Commodity: 73, Articles Of Iron Or Steel

Year To Date: January - May

Com. C o d e	Description	2008		2009		2010		%
		USD	Quantity	USD	Quantity	USD	Quantity	
73	Iron and Steel Products	59,283,225	n/a	70,261,066	n/a	70,752,091	n/a	16%
7304	Tubes, Pipes Etc, Seamless, Iron & Steel	62,756	69,125	19,282	21,461	167,312	61,017	62%
7306	Tubes, Pipes & Hollow Profiles, Iron & Steel	6,183,689	6,533,221	10,179,170	10,740,165	14,902,714	15,777,744	59%
7307	Tube Or Pipe Fittings, Of Iron Or Steel	1,978,106	1,028,384	1,859,932	524,240	2,668,229	734,045	26%
7308	Structures & Parts -- Iron Or Steel	39,189,283	16,823,501	42,421,909	16,873,804	26,223,275	11,451,348	-49%
7312	Stranded Wire, Ropes, Ir Or Steel	24,510	440	33,441	369	57,802	1,014	58%
7317	Nails, Tacks, Drawing Pins, Of Iron Or Steel	683,452	687,027	995,730	974,855	1,706,818	1,867,167	60%
7318	Screws, Bolts, Nuts, Washers, Iron Or Steel	3,060,719	1,797,450	2,748,940	1,602,924	2,973,934	1,782,645	-3%
7323	Household Art & Pts, Ir Or Steel Wool Etc	911,715	350,099	1,153,472	296,518	2,736,769	654,388	67%
7323	Household Art & Pts, Ir Or Steel Wool Etc	304,276	-	938,685	-	2,102,778	-	86%
7325	Cast Articles Nesoi, Of Iron Or Steel	7,934	5,361	23,559	8,467	2,839	3,790	-179%
7326	Articles Of Iron Or Steel, Nesoi	5,554,230	3,007,498	4,451,810	2,072,249	6,907,370	3,673,860	20%
7326	Articles Of Iron Or Steel, Nesoi	64,871	2,048,750	4,757,113	116,483,429	9,588,598	305,989,737	99%
7326	Articles Of Iron Or Steel, Nesoi	78,422	-	42,083	-	258,288	-	70%

U.S. ANTIDUMPING PROCESS & PROCEDURES

NON MARKET ECONOMY CASES

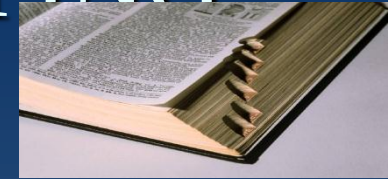
QUY TRÌNH VÀ THỦ TỤC CHỐNG BÁN
PHÁ GIÁ Ở HK

ĐỐI VỚI CÁC VỤ KIỆN Ở NỀN KINH TẾ PHI THỊ
TRƯỜNG



DEFINITION OF DUMPING

ĐỊNH NGHĨA BÁN PHÁ GIÁ



- Dumping Is Defined As U.S. Sales At Less Than “Fair Value”
- In Cases Against A Non-market Economy Country, “Fair Value” Is Based On A Company’s “Factors Of Production” (E.G., China & Vietnam)
- Bán phá giá được định nghĩa là việc bán hàng thấp hơn “Giá trị Hợp lý” ở HK.
- Trong các vụ kiện chống lại quốc gia có nền kinh tế phi thị trường, “Giá trị Hợp lý” được dựa trên “các yếu tố sản xuất” của DN (ví dụ, Trung Quốc & Việt nam)

SEQUENCE OF DETERMINATIONS

TRÌNH TỰ QUÁ TRÌNH ĐỀ ĐƠN

- Filing Of Petition (Day “1”)
- DOC Initiation (Day 20)
- ITC Preliminary Determination (Day 45)
- DOC Preliminary Determination (Day 160 Or 210, If Extended)
- DOC Final Determination (Day 235 Or 345, If Extended)
- ITC Final Determination (Day 280 Or 390, If Extended)
- DOC Antidumping Order (Day 287 Or 397, If Extended)
- Đề đơn (Ngày “1”)
- Khởi khởi đầu quá trình rà soát của DOC (Ngày 20)
- Quyết định sơ bộ của ITC (Ngày 45)
- Quyết định sơ bộ của DOC (Ngày 160 hoặc 210, nếu được gia hạn)
- Quyết định cuối cùng của DOC (Ngày 235 hoặc 345, nếu được gia hạn)
- Quyết định cuối cùng của ITC (Ngày 280 hoặc 390, nếu được gia hạn)
- Lệnh Chống Bán Phá giá của DOC (Ngày 287 hoặc 397, nếu được gia hạn)

“CRITICAL CIRCUMSTANCES”



NHỮNG TÌNH HUỐNG QUAN TRỌNG

- **DOC Can Retroactively Suspend Liquidation Of Imports Entering U.S. 90 Days Before The Preliminary Determination If “Critical Circumstances” Exist**
- **“Critical Circumstances” Is Defined As:**
 - **An Increase In Imports Of 15% In The Period After The Filing Of The Petition Compared With A Period Of Equal Length Before The Petition Was Filed**
 - **Dumping Margins Of 25% Or More**
- **DOC có thể đình hoãn tố tính thanh khoản lô hàng nhập khẩu vào Mỹ 90 ngày trước khi có Quyết định sơ bộ nếu có những “Tình huống Quan trọng” phát sinh.**
- **Những “Tình huống Quan trọng” được định nghĩa là:**
 - **Mức tăng nhập khẩu 15% trong giai đoạn sau khi nộp đơn so với giai đoạn có cùng thời gian trước khi nộp đơn**
 - **Mức chênh lệch phá giá là 25% hoặc hơn**

FILING OF PETITION ĐỀ ĐƠN

- Simultaneous Filing With U.S. Department Of Commerce (“DOC”) And U.S. International Trade Commission (“ITC”)

Đề đơn đồng thời tại Bộ Thương Mại HK (“DOC”) và Ủy Ban Thương mại Quốc tế HK (“ITC”)

IMPACT OF RESPONDENT SELECTION

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC LỰA CHỌN BỊ ĐƠN

- Only Those Companies Selected For Individual Examination (“Mandatory Respondents”) Can Obtain Their Own Dumping Rate
- Companies That Are Not Selected Will Receive Either
 - Average Of Mandatory Respondents’ Rates
 - Country-wide Rate (NME Cases)
 - “Separate Rates” Response
- Chỉ những DN được chọn cho việc kiểm tra riêng lẻ (“Bị đơn Bắt buộc”) có thể nhận thuế suất bán phá giá riêng
- Các DN không được lựa chọn sẽ hưởng một trong các thuế suất sau:
 - Trung bình thuế suất của các bị đơn bắt buộc
 - Thuế suất áp dụng toàn quốc (các vụ kiện ở nền kinh tế phi thị trường-NME)
 - Thuế suất riêng



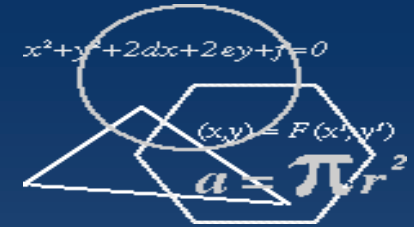
PURPOSE OF SEPARATE RATES QUESTIONNAIRE

MỤC ĐÍCH CỦA BẢNG CÂU HỎI XÁC ĐỊNH THUẾ SUẤT RIÊNG LẺ

- Companies Must Establish That They Are Independent From Government Control
- DOC Looks At Each Company To See If It Is Legally (“De Jure”) And Factually (“De Facto”) Independent
- Only Companies That Demonstrate Independence Are Entitled To The Average Rate Of The Mandatory Respondents
- Các DN phải chứng minh rằng họ độc lập với sự kiểm soát của chính phủ
- DOC xem xét từng DN xem DN đó có độc lập về mặt pháp lý (“de jure”) hay trên thực tế (“de facto”) hay không
- Chỉ những DN chứng minh tính độc lập mới được quyền nhận thuế suất trung bình của các bị đơn bắt buộc

DUMPING CALCULATION

TÍNH TOÁN PHÁ GIÁ



- U.S. Price Is Adjusted To Remove Any Movement Or Other Expenses Necessary To Bring The Price To An “Ex Factory” Basis
- Additional Adjustments Apply For Sales Through An Affiliated Party In The USA (Constructed Export Price Or “CEP” Methodology)
- If Net U.S. Price Is Less Than “Fair Value,” This Is Considered Dumping
- Total Amount Of Dumping Is Divided By Total Net U.S. Price To Determine Percentage Dumping “Margin”
- Giá ở HK sẽ được điều chỉnh để loại bỏ các biến động hay các chi phí cần thiết khác để đưa giá về cơ sở “Giá xuất xưởng”
- Điều chỉnh bổ sung áp dụng với lô hàng bán cho bên liên kết ở HK (xây dựng giá XK hay Phương pháp “CEP”)
- Nếu giá ròng ở HK thấp hơn “Giá trị Hợp lý” điều đó được coi là bán phá giá
- Tổng Giá trị bán phá giá được chia cho tổng giá ròng ở Mỹ để xác định mức “biên độ” phần trăm phá giá.

U.S. PRICE

GIÁ Ở MỸ

- Respondent Must Report Many Fields Of Data For Each Line Item, Including:

- Gross Unit Price (FOB vs. CMT)
- Quantity
- Price/Quantity Adjustments
- Movement Expenses (NME/AIR)
- Sale, Shipment & Payment Dates
- Expenses Of U.S. Affiliate (If Applicable)

- Bị đơn phải báo cáo chi tiết dữ liệu ở mỗi nghiệp vụ bán hàng, bao gồm:

- Đơn giá gộp (FOB so và CMT)
- Số lượng
- Điều chỉnh Giá/Số lượng
- Chi phí vận chuyển (NME/Hàng không)
- Ngày bán, chuyển hàng và thanh toán
- Chi phí của bên liên kết ở HK (nếu có)

“FAIR VALUE” IN NME CASE

“GIÁ TRỊ HỢP LÝ” TRONG VỤ KIẾN NỀN KINH TẾ PHI THỊ TRƯỜNG (NME)

- DOC Does Not Use Vietnam Prices Because They Are Distorted By Government Influence
- DOC Uses “Factors Of Production,” Consisting Of Raw Materials, Labor And Energy To Produce One Unit Of Finished Product
- Factors Of Production Are Valued Using Costs From A “Surrogate Country” (Bangladesh).
- DOC không sử dụng giá của Việt nam vì giá đó bị bóp méo do ảnh hưởng từ phía chính phủ
- DOC sử dụng “Các yếu tố sản xuất” bao gồm nguyên liệu, lao động và năng lượng để sản xuất một đơn vị thành phẩm
- Các yếu tố sản xuất được đánh giá bằng cách sử dụng chi phí từ một “Quốc gia thay thế” (Bangladesh).

“FAIR VALUE” IN NME CASE

“GIÁ TRỊ HỢP LÝ” TRONG VỤ KIẾN NỀN KINH TẾ PHI THỊ TRƯỜNG (NME)

- DOC Will Use Actual Costs If The Raw Materials Are
 - Imported From An Acceptable Market Economy Country,
 - Paid For In A Convertible Currency, And
 - Represent A Significant Portion Of Total Purchases Of That Raw Material.
- DOC Adds Amounts For Factory Overhead, SG&A And Profit, Calculated Using Surrogate Producers' Financial Statements (Bangladesh)
- DOC sẽ sử dụng chi phí thực tế nếu nguyên liệu sản xuất:
 - Được nhập từ một nước có nền kinh tế thị trường được chấp nhận,
 - Được thanh toán bằng một loại tiền có khả năng chuyển đổi
 - Chiếm tỷ trọng đáng kể trên tổng lượng mua nguyên liệu đó
- DOC bổ sung trị giá cho chi phí sản xuất chung, chi phí SG&A) và lợi nhuận, được tính toán bằng cách sử dụng báo cáo tài chính của các “nhà sản xuất thay thế” (Bangladesh)

SUBSIDY CASES AGAINST NMEs

CÁC VỤ KIẾN TRỢ CẤP CHỐNG LẠI MNE

- DOC Now Applies Countervailing Duties to NMEs
- Subsidy must “benefit” a producer (savings/exemption/contribution)
- Must be “specific” (export performance, import substitution, or specific to an industry)
- DOC hiện giờ áp dụng thuế chống bán phá giá đối với các NME
- Trợ cấp phải được hưởng lợi bởi nhà sản xuất (tiết kiệm/miễn thuế /đóng góp)
- Phải được xác định “cụ thể” (hoạt động xuất khẩu, thay thế nhập khẩu, hay cụ thể cho một ngành)

SUBSIDY CASES AGAINST NMEs

CÁC VỤ VIỆC TRỢ CẤP CHỐNG LẠI MNE

(cont. - tiếp)

- Special loans (below market)
- Special grants (machinery)
- Export restitution
- Import substitution
- Tax Reduction/Exemption
- VAT/Duty Exemptions
- Labor Subsidies
- Land/Utility Subsidies
- Các khoản vay đặc biệt (thấp hơn mức thị trường)
- Trợ cấp đặc biệt (máy móc)
- Bồi thường xuất khẩu
- Thay thế nhập khẩu
- Giảm/Miễn thuế
- Miễn Thuế/VAT
- Trợ cấp Lao động
- Trợ cấp Đất/Tiện ích

SUBSIDY CASES AGAINST NMEs

CÁC VỤ VIỆC TRỢ CẤP CHỐNG LẠI MNE

(cont. - tiếp)

■ Calculation of Subsidy

Duty Rates:

- Total benefit received
- Amount measured against “benchmarks”
- Divided over total sales of product receiving benefit (e.g., export sales, total sales, etc.)

■ Tính thuế suất trợ cấp:

- Tổng lợi ích nhận được
- Giá trị sẽ tính toán dựa trên “tiêu chuẩn”
- Được chia trên tổng doanh thu của sản phẩm đã nhận lợi ích (ví dụ, doanh thu xuất khẩu, tổng doanh thu, v.v...)

ADVANCE PREPARATION FOR ANTIDUMPING INVESTIGATION

CHUẨN BỊ TRƯỚC CHO ĐIỀU TRA CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

WHAT ARE THE BENEFITS OF ADVANCED PLANNING?

LỢI ÍCH CỦA VIỆC LÊN KẾ HOẠCH TRƯỚC LÀ GÌ?

- Prepare Detailed Analysis Of Dumping Margins
- Provide Management With Strategies To Eliminate Risk Of Dumping
- Improve Record Keeping And Accounting Systems
- Provide Ongoing Price Monitoring Programs
- Evaluate All Subsidy Programs
- Solidify Relationships With U.S. Buyers
- Chuẩn bị phân tích chi tiết các mức biên độ phá giá
- Cung cấp cho nhà quản lý các chiến lược loại trừ rủi ro của việc bán phá giá
- Cải tiến hệ thống lưu trữ hồ sơ và các hệ thống kế toán
- Cung cấp các chương trình giám sát giá hiện hành
- Đánh giá tất cả các chương trình trợ cấp
- củng cố mối quan hệ với khách hàng ở HK

WHAT CAN BE DONE TO MINIMIZE EXPOSURE TO ANTIDUMPING FINDINGS? CÓ THỂ LÀM GÌ ĐỂ GIẢM THIỂU NGUY CƠ BỊ PHÁT HIỆN CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ?

■ Production Considerations:

- Supplier And Subcontractor Cooperation Considerations
- Use Of Efficient Factories
- Vertical Integration Considerations
- Purchase Of Market Economy Inputs (Watch Out For Export Subsidy Issues)
- Country Of Origin Shifting (OPA)

■ Những cân nhắc về sản xuất:

- Những cân nhắc về hợp tác giữa nhà cung cấp và nhà thầu phụ
- Sử dụng các yếu tố sản xuất hiệu quả
- Những cân nhắc hợp nhất chiều dọc
- Mua yếu tố đầu vào của nền kinh tế thị trường (cẩn thận với những vấn đề trợ cấp xuất khẩu)
- Thay đổi nước xuất xứ (OPA)

WHAT CAN BE DONE TO MINIMIZE EXPOSURE TO ANTIDUMPING FINDINGS?

CÓ THỂ LÀM GÌ ĐỂ GIẢM THIỂU NGUY CƠ BỊ PHÁT HIỆN CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ?

■ U.S. Sales And Distribution Considerations:

- Export Price Vs. Constructed Export Price
- Selling And Transportation Expense Issues (NME/AIR)
- Sell on “LDP” Basis
- First Sale/Agency Benefits
- Bonded Warehouses (cash flow)
- “Warranty of Nonapplicability”

■ Những cân nhắc bán và phân phối hàng ở HK:

- Giá xuất khẩu so với giá XK tính toán
- Những vấn đề chi phí bán và vận chuyển (NME/Hàng không)
- Giá bán trên cơ sở “LDP”
- Lợi ích bán hàng/đại diện đầu tiên
- Kho Ngoại Quan (lưu chuyển tiền tệ)
- “Bảo đảm cho tính bất kh dụng”

WHAT CAN BE DONE TO MINIMIZE EXPOSURE TO ANTIDUMPING FINDINGS?

CÓ THỂ LÀM GÌ ĐỂ GIẢM THIỂU NGUY CƠ BỊ PHÁT HIỆN CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ?

■ Record Keeping And Accounting Considerations

- Poor Records Equal Potential Disaster
- Verification Of Records
- Tracing Sales And Expenses Through The Accounting System
- Importance Of Strong Accounting Personnel

■ Những cân nhắc về lưu giữ hồ sơ và kế toán

- Hồ sơ quá sơ lược đồng nghĩa với hiểm họa tiềm tàng
- Thẩm tra hồ sơ
- Truy xuất doanh thu và chi phí thông qua hệ thống kế toán
- Tầm quan trọng của đội ngũ nhân viên kế toán chuyên nghiệp

THE PRE-INVESTIGATION AUDIT – RÀ SOÁT TRƯỚC ĐIỀU TRA

WHAT NEEDS TO BE DONE? CẦN LÀM NHỮNG VIỆC GÌ?

- **Analyze Organizational And Legal Structure Of Company**
- **Select High Volume Products Within Product Categories For Detailed analysis**
- **Determine Production Inputs For Each Selected Product**
- **Obtain Relevant U.S. Sales And Sales Expense Data For Each Selected Product**
- **Calculate Adjusted U.S. Prices To Be Used In Dumping Calculations**
- **Phân tích cơ cấu tổ chức và pháp lý của DN**
- **Lựa chọn những sản phẩm sản lượng lớn trong danh mục sản xuất để phân tích chi tiết**
- **Xác định đầu vào sản xuất cho mỗi loại sản phẩm được lựa chọn**
- **Xem xét dữ liệu liên quan nghiệp vụ bán hàng và chi phí bán hàng vào thị trường HK ở mỗi thành phẩm được chọn .**
- **Tính giá bán tại HK đã điều chỉnh để sử dụng trong tính toán phá giá**

THE PRE-INVESTIGATION AUDIT - KIỂM TOÁN TRƯỚC ĐIỀU TRA

WHAT NEEDS TO BE DONE? CẦN LÀM VIỆC GÌ?

- Obtain Factors Of Production Data For Materials, Labor And Energy Inputs
- Obtain Surrogate Values For Direct Inputs, Overheads, Profit And Packing, And Obtain Data On Any Market Economy Inputs Used
- Calculate Estimated Fair Values For The Selected Products
- Lấy dữ liệu các yếu tố sản xuất đầu vào như nguyên liệu, lao động và năng lượng
- Tính toán các Giá trị thay thế cho các yếu tố đầu vào trực tiếp, chi phí quản lý, lợi nhuận và đóng gói, đồng thời áp dụng dữ liệu về các yếu tố đầu vào đã dùng từ nền kinh tế thị trường
- Ước tính các Giá trị hợp lý cho các sản phẩm được chọn

A faint, stylized image of a balance scale is visible in the background, symbolizing justice or balance.

CONCLUSION:
RESOLVING THE RISK &
OVERCOMING UNCERTAINTY

KẾT LUẬN:
XỬ LÝ RỦI RO VÀ KHẮC PHỤC
NGUY HẠI TIỀM TÀNG

ANTIDUMPING: THE CRIPPLING EFFECTS OF “UNCERTAINTY”

CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ: HIỆU ỨNG XẤU CỦA TÍNH “NGUY HẠI TIỀM TÀNG”



■ The Greatest Harm Which Results From The Filing Of An Antidumping Case Is A Business' Inability To Deal With Uncertainty

- Loss Of Customer Confidence & Support
- Interruption In Supply & Product Flow
- Diversion Of Internal Resources To Non-productive Activities
- Facing An Unpredictable Process & Results
- Long-term Impact Of Dumping Cases

■ Mỗi nguy hại lớn nhất từ việc nộp đơn kiện chống phá giá là việc doanh nghiệp mất khả năng đối chọi với nguy hại tiềm tàng:

- Mất lòng tin và hỗ trợ của khách hàng
- Gián đoạn dòng luân chuyển trong cung cấp và sản phẩm
- Làm trệch hướng sử dụng nguồn lực nội tại sang các hoạt động phi sản xuất
- Đối mặt với một quy trình và kết quả không đoán trước
- Ảnh hưởng lâu dài của các vụ kiện bán phá giá

OPTIONS FOR OVERCOMING UNCERTAINTY

NHỮNG LỰA CHỌN ĐỂ VƯỢT QUA NGUY HẠI TIỀM TÀNG

- **Our Goal Is To Identify And Address Potential Antidumping Weakness Prior To The Filing Of A Petition:**
 - **Provide Producers With An Opportunity To Address Customer Concerns And Build Confidence**
 - **Insure Continuity In The Sourcing Relationship**
 - **Synthesize Antidumping Strategy Into Corporate Planning**
 - **Consider Strategic Options OPA And Creative Utilization Of Country Of Origin Rules**
 - **Planning For The Long Term – Monitoring Prices & Costs**
- **Mục tiêu của chúng tôi là xác định và giải quyết vấn đề yếu kém tiềm tàng trong lĩnh vực chống bán phá giá trước khi đệ đơn**
 - **Tạo cho các nhà sản xuất cơ hội giải quyết các mối quan tâm của khách hàng và xây dựng lòng tin**
 - **Đảm bảo liên tục mối quan hệ giữa nhà cung cấp và người mua**
 - **Tổng hợp chiến lược chống bán phá giá vào kế hoạch DN**
 - **Cân nhắc các lựa chọn chiến lược OPA và sử dụng sáng tạo, hữu hiệu các quy tắc nguồn gốc xuất xứ**
 - **Lập kế hoạch giám sát dài hạn giá bán và giá thành**

WHY GDLSK? VÌ SAO CHỌN GDLSK?

- Most Experienced US law firm in NME Dumping Cases
- Long History of Proven Results (Over 25 Years)
- Undertaking 17 Factory Audits in Vietnam
- Specialized Legal/Accounting Team & Surrogate Value Consultants
- Representing Companies in All Current VN Dumping Cases
- Largest US Customs Law Firm Specializing in Steel Products
- Hãng luật Mỹ có kinh nghiệm nhất về các vụ kiện bán phá giá NME
- Lịch sử hoạt động lâu dài khẳng định qua các thành tựu đạt được (hơn 25 năm)
- Từng thực hiện rà soát 17 nhà máy ở Việt nam
- Đội ngũ chuyên về luật/kế toán và các chuyên gia tư vấn Giá trị thay thế
- Đại diện các DN trong tất cả các vụ kiện bán phá giá của Việt nam hiện nay
- Hãng luật Hải quan HK lớn nhất chuyên về các sản phẩm thép.

GRUNFELD, DESIDERIO, LEBOWITZ, SILVERMAN & KLESTADT LLP

WWW.GDLSK.COM

399 PARK AVENUE, 25TH FLOOR, NEW YORK, NY 10022

Tel. +1-212-557-4000

Fax +1-212-557-4415

BMITCHELL@GDLSK.COM

NO. 9 QUEEN'S ROAD CENTRAL

SUITE 2407

HONG KONG

Tel. +852-2137-2700

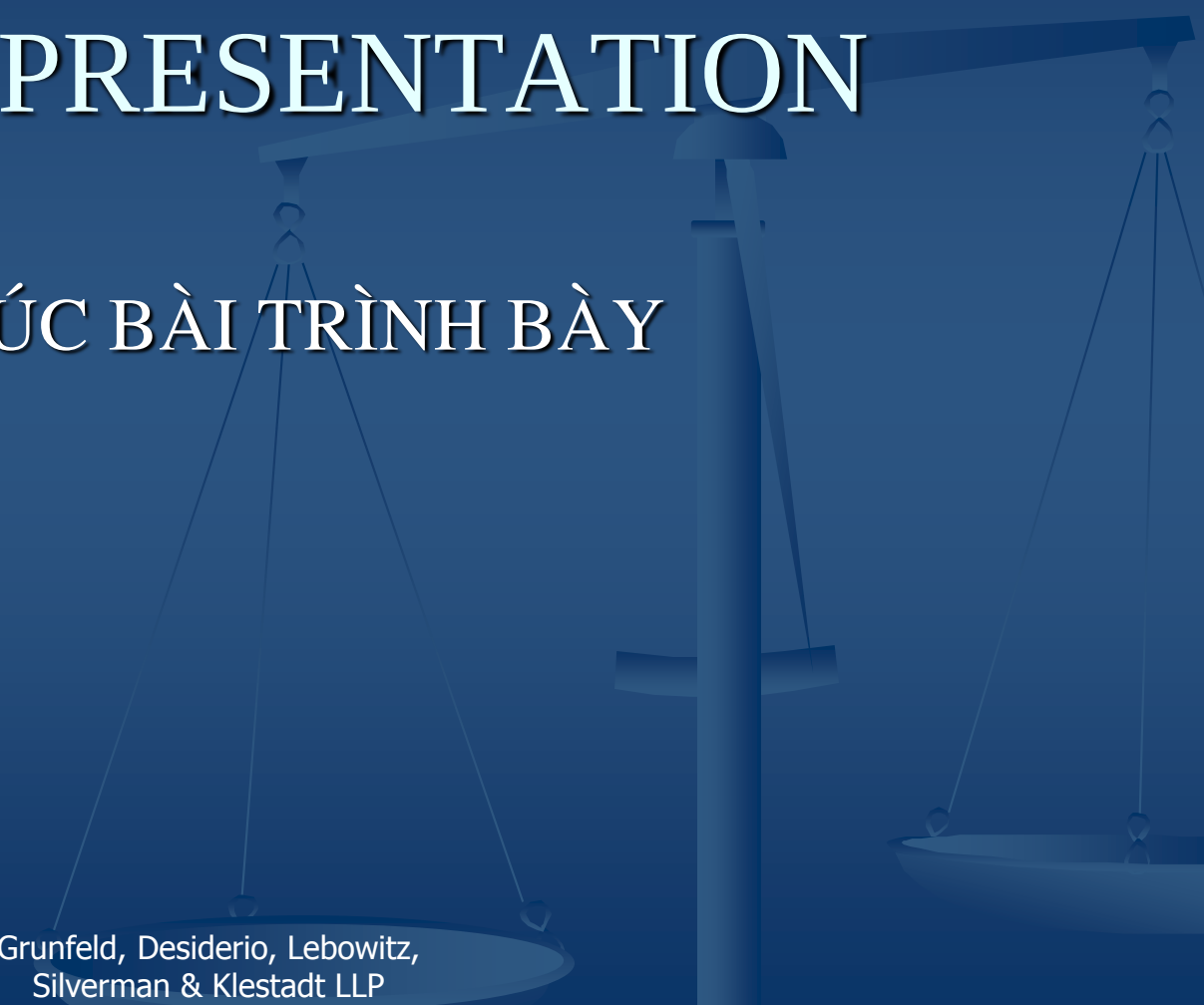
Fax +852-2137-2701

ASCHROTH@GDLSK.COM

NGUYEN.QUYNH.DUONG@GDLSK.COM

Grunfeld, Desiderio, Lebowitz,
Silverman & Klestadt LLP
www.gdlsk.com

END OF PRESENTATION

A faint, stylized image of a balance scale is visible in the background, positioned on the right side of the slide. The scale is tilted, with the right pan being higher than the left pan. The image is rendered in a light blue color that blends with the dark blue background.

KẾT THÚC BÀI TRÌNH BÀY

Grunfeld, Desiderio, Lebowitz,
Silverman & Klestadt LLP
www.gdlsk.com